

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST

Ngày: 12 - 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Ngọc Canh - Giáo viên Trường Trung học phổ thông Hồng Ngự 1, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;

Ông Phạm Thiệt Khả - Ủy viên Thường vụ Thành đoàn thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Cao Văn N, sinh ngày 19/11/2002, tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp T, xã T1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Cao Văn K, sinh năm 1976 và bà Ngô Thị N1; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình; chưa vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Cao Văn K (Cha bị cáo), sinh năm 1976. Nơi cư trú: ấp T, xã T1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Lê Văn L - Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp – Chi nhánh số 2 (Có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:*

1. Trường Trung học cơ sở T2.

Địa chỉ: ấp T, xã T1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Chí T3 – Hiệu trưởng Trường, sinh năm 1981 (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Ông Nguyễn Văn Chí T3, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Khóm M, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trần Văn H1, sinh ngày 27/3/2011;

Người đại diện hợp pháp Trần Văn H1 là chị Trần Thị T, sinh năm 1991 (Mẹ).

Cùng nơi cư trú: ấp T5, xã T1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Lê Tấn K1, sinh năm 2009;

3. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1961.

Người đại diện hợp pháp của Lê Tấn K1 là bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1961 (Bà nội).

Cùng nơi cư trú: ấp T, xã T1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt tại phiên tòa).

4. Lê Thị Linh Đ, sinh năm 2013;

5. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1966.

Người đại diện hợp pháp của Lê Thị Linh Đ là bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1966.

Cùng nơi cư trú: ấp T, xã T1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt tại phiên tòa).

6. Ông Lê Văn T6, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: ấp T5, xã T1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị Thúy V, sinh năm 1979;

2. Ông Võ Trường H2, sinh năm 1977;

Cùng nơi cư trú: ấp T, xã T1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 8 năm 2020 Cao Văn N rủ Trần Văn H1, sinh ngày 27/3/2011 đi bộ đến Trường trung học cơ sở T2 thuộc ấp T, xã T1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp để tìm tài sản lấy trộm, H1 đồng ý. Sau khi vào khu vực Trường đi xung quanh các phòng quan sát, khi đến Phòng Hiệu trưởng nhìn qua cửa sổ thấy trong góc phòng có nhiều thùng giấy chứa tập học sinh, không người trông coi, nhưng cửa bị khóa nên H1 nhặt một khối bê tông ở gần đó đưa cho N đập phá ổ khóa đi vào lấy 804 quyển tập học sinh loại 96 trang và 01 cái cặp nhựa màu đen, đem giấu dưới cầu thang của Trường.

Sau khi lấy được các tài sản trên, khoảng 20 giờ cùng ngày N lấy đem 468 quyển tập trộm được bán cho những người dân ở gần Trường trung học cơ sở T2, lấy tiền tiêu xài cá nhân, số còn lại 336 quyển tập N vẫn còn giấu dưới cầu thang Trường để lấy bán sau. Cụ thể N bán như sau: Khoảng 20 giờ, bán cho Lê Tấn K1 số lượng 25 quyển tập với giá 30.000đồng (K1 xin tiền bà nội tên Nguyễn Thị B trả cho N); Khoảng 21 giờ, bán cho Lê Thị Linh Đ số lượng 43 quyển tập với giá 43.000đồng (Linh Đ xin tiền bà nội tên Nguyễn Thị X trả cho N); Khoảng 21 giờ 30 phút, bán cho bà Trần Thị Thúy V số lượng 400 quyển tập với giá 400.000đồng nhưng bà V không mua, nên để lại nhà bà V.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản trên, ông Nguyễn Văn Chí T3 là Hiệu trưởng của Trường trình báo đến Công an xã Tân Hội. Qua xác minh, Công an xã Tân Hội phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồng Ngự thu hồi được 804 quyển tập học sinh loại 96 trang và 01 cái cặp nhựa màu đen.

* Vật chứng đã thu giữ gồm: 270 (Hai trăm bảy mươi) quyển tập học sinh, hiệu T.T Book, có dòng chữ Romantic, loại 96 trang, chưa sử dụng; 60 (Sáu mươi) quyển tập học sinh, hiệu TiE Stationery, có dòng chữ GIR AFFE, loại 96 trang, chưa sử dụng; 40 (Bốn mươi) quyển tập học sinh, hiệu TiE Stationery, có dòng chữ HIPPO, loại 96 trang, chưa sử dụng; 60 (Sáu mươi) quyển tập học sinh, hiệu THUẬN TIẾN, có dòng chữ BABY LOVE, loại 96 trang, chưa sử dụng; 74 (Ba mươi sáu) quyển tập học sinh, hiệu XỔ SỐ KIẾN THIẾT ĐỒNG THÁP, có dòng chữ ABC, loại 96 trang, chưa sử dụng; 300 (Ba trăm) quyển tập học sinh, hiệu TIẾN PHÁT BOOK, có dòng chữ THẾ HỆ MỚI, loại 96 trang,

chưa sử dụng; 01 (Một) cái cặp nhựa, có quai sách, màu đen, có gắn lô gô chữ HK, đã qua sử dụng; 01 (Một) ổ khóa màu đen, hiệu YOFI, đang trong tình trạng mở khóa, đã qua sử dụng; 01 (Một) khối bê tông không rõ hình, có kích thước 15x12cm.

* Theo Bản Kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐG, ngày 10/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự - thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp kết luận: 804 quyển tập học sinh loại 96 trang giá là 4.757.000đ và 01 (Một) cái cặp nhựa, giá là 350.000đ. Tổng giá trị các tài sản bị trộm là 5.107.000đ (Năm triệu một trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồng Ngự đã ra quyết định trả lại cho bị hại vật chứng, tài sản đã thu giữ được bị trộm. Các bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Cao Văn N đã khai báo thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số: 61/CT-VKS-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Cao Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Về vật chứng: Đối với 804 quyển tập và 01 cặp nhựa màu đen đã xử lý xong; còn 01 (Một) ổ khóa màu đen, hiệu YOFI, đang trong tình trạng mở khóa và 01 (Một) khối bê tông không rõ hình, có kích thước 15cm x12cm, đề nghị Tòa án tiêu hủy. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường các khoản thiệt hại khác về dân sự đối với bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự thực hành quyền công tố và kiểm sát việc xét xử đã phát biểu lời luận tội là giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Cao Văn N từ 06 đến 09 tháng tù.

Luật sư trình bày: Về hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ, tuy nhiên trong vụ án này bị cáo đã thành khẩn khai báo, rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Về vấn đề dân sự của vụ án cũng đã giải quyết xong. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Về tình tiết tăng nặng thì bị cáo không phải chịu, vì trong vụ án này bị cáo không có xúi giục H, trong trường hợp này

chỉ là đồng phạm giản đơn. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Cao Văn N thống nhất với kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá, thống nhất với kết luận điều tra, thống nhất với Cáo trạng, nội dung luận tội của Kiểm sát viên và lời trình bày của Trợ giúp viên pháp lý, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Cao Văn N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do không có nghề nghiệp ổn định, muốn có tiền nhanh để tiêu xài cá nhân nhưng lười biếng lao động nên bị cáo đã lợi dụng tình hình Trường trung học cơ sở T2 không có người trông coi, nên đã lén lút vào đập ở khóa lấy trộm 804 quyển tập của Nhà trường và 01 cái cặp nhựa đang để trong phòng Hiệu trưởng và cất giấu dưới cầu thang của Trường. Sau đó bị cáo quay lại lấy 468 quyển tập đi bán cho người khác, còn 336 vẫn giấu ở cầu thang Trường. 468 quyển tập lấy trộm này bị cáo bán cho Lê Tấn K1 và Nguyễn Thị B 25 quyển tập với giá 30.000đồng, bán cho Lê Thị Linh Đ và Nguyễn Thị X 43 quyển tập với giá 43.000đồng, bán cho bà Trần Thị Thúy V số lượng 400 quyển tập với giá 400.000đồng nhưng bà V không mua, nên để lại nhà bà V. 01 cái cặp nhựa bị cáo lấy về nhà để sử dụng. Giá trị 804 quyển tập 01 cái cặp nhựa bị cáo trộm theo giá của Hội đồng định giá là 5.107.000đ (Năm triệu một trăm lẻ bảy nghìn đồng). Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành. Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội của mình bị cáo phát hiện ở

Trường có Camera an ninh, nên bị cáo đã dùng vải che đây lại nhằm mục đích để che dấu hành vi trộm tài sản, điều này thể hiện bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

Căn cứ kết luận giám định, kết luận điều tra, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bị hại, của các đương sự, người làm chứng trong vụ án và lời thừa nhận của bị cáo, nhận thấy bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì lười lao động, muốn thỏa mãn nhu cầu bản thân, nhất là cần tiền tiêu xài cá nhân, nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội trộm tài sản của người khác. Từ những phân tích trên đã có đủ chứng cứ để kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ... “.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng, hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo: Như đã phân tích ở trên, do không có nghề nghiệp ổn định, lười biếng lao động chân chính, muốn nhanh chóng kiếm tiền, nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội của mình. Hành vi bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, cơ quan, tổ chức và gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[4] Về nhân thân của bị cáo: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không có tiền án và tiền sự. Bản thân bị cáo có trình độ học vấn thấp 01/12, không có nghề nghiệp, mẹ ruột của bị cáo bỏ đi từ khi bị cáo còn nhỏ, hiện bị cáo đang chung sống với cha. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người dưới 18 tuổi, tại thời điểm xét xử sơ thẩm bị cáo đã đủ 18 tuổi.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Viện kiểm sát đề nghị Tòa án áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, trong vụ án này bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không có những lời lẽ để dụ dỗ, xúi giục, chỉ cách thức cho Trần Văn H1 thực hiện việc trộm tài sản. Bị cáo rủ H1 đi theo chung để bị cáo thực hiện hành vi trộm của mình, không có việc bàn bạc, phân công nhiệm vụ, cách thức, thủ đoạn thực hiện và không biết trước đối tượng lấy trộm là gì. Trần Văn H1 cũng không một mình mình trực tiếp lấy tài sản trộm này mà chỉ đi theo làm theo sự chỉ dẫn của bị cáo. Đồng thời, sau khi trộm được tài sản, bị cáo tự đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân một mình, Hiền không biết về việc này và khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi. Hành vi của Hiền tham gia với vai trò là đồng phạm giản đơn, tuy nhiên do H1 chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không xem xét xử lý hình sự đối với H1. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng này đối với bị cáo.

[6] Do khi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử căn cứ Chương XII của Bộ luật Hình sự quy định về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để xét xử đối với bị cáo. Khi quyết định hình phạt, căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức của bị cáo về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra phạm tội, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để vừa thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, vừa thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, để nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ý cho xã hội và cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như bị cáo, góp phần ổn định tình hình chính trị tại địa phương và công cuộc phòng chống và ngăn ngừa tội phạm hiện nay.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 6 Điều 91 Bộ luật Hình sự có quy định “... Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội”.

[8] Các tình tiết khác của nội dung vụ án:

Đối với bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị X là người mua tập của bị cáo trộm được, tuy nhiên khi mua bà B và bà X không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Viện kiểm sát không truy tố về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1, Điều 323 Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[9] Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra thì Cơ quan điều tra đã xử lý xong, các vật chứng, tài sản thu giữ được là đã trao trả cho bị hại là 804 quyển tập và 01 cặp nhựa màu đen. Xét thấy, việc xử lý vật chứng và các tài sản tạm giữ của Cơ quan điều tra là phù hợp với quy định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác của vụ án không khiếu nại về việc này, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng đối với 01 (Một) ổ khóa màu đen, hiệu YOFI, đang trong tình trạng mở khóa và 01 (Một) khối bê tông không rõ hình, có kích thước 15cm x12cm. Các vật chứng này đều liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và không có giá trị sử dụng, nên tuyên tịch thu và tiêu hủy.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra vụ án bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản thiệt hại gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Cao Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Cao Văn N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Về vật chứng và tài sản tạm giữ: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 (Một) ổ khóa màu đen, hiệu YOFI, đang trong tình trạng mở khóa và 01 (Một) khối bê tông không rõ hình, có kích thước 15cm x12cm.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Cao Văn N phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/01/2021).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Tp. Hồng Ngự;
- Cơ quan Điều tra Công an Tp. Hồng Ngự;
- Cơ quan THAHS Công an Tp. Hồng Ngự;
- UBND xã Tân Hội;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Huỳnh Anh

